TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **150/2024**/DS-ST
Ngày: 11-7-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X - THÀNH PHỐ H

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Kim Hoàng

2. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Uyên Vy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận X - Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận , Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 338/2024/DSST ngày 22 tháng 12 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 430/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 592/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam)

Địa chỉ: 91 P, phường BN, Quận A, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lee J – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Lâm Thị Thùy D, sinh năm 2000

(Theo Giấy ủy quyền ngày 20/01/2024)

Bị đơn: Bà Lê Thị Hồng Th, sinh năm 1988.

Địa chỉ thường trú: 96/22 TĐ, Phường M, Quận X, Thành phố H.

(Bà Lâm Thị Thùy D có mặt, bà Lê Thị Hồng Th vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam) và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lâm Thị Thùy D trình bày:

Ngày 19/10/2022, Công ty Tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam) (*sau đây gọi tắt là Công ty M*) và bà Lê Thị Hồng Th ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp

đồng tín dụng số 3803106 *(sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng)* về việc cấp tín dụng cho bà Lê Thị Hồng Th, cụ thể:

Khoản vay: 25.000.000 đồng; Thời hạn cho vay: 36 tháng; Ngày thanh toán: ngày 10 (dương lịch) hàng tháng; Ngày thanh toán đầu tiên: 10/11/2022; Lãi suất: từ kỳ thanh toán thứ nhất đến kỳ thanh toán thứ 30 là 3,67%/ tháng (tương ứng 44%/năm), từ kỳ thanh toán thứ 31 đến kỳ thanh toán thứ 36 lãi suất là 0%/tháng. Mục đích vay: Mua hàng.

Công ty M đã giải ngân số tiền 25.000.000 đồng vào tài khoản cá nhân của bà Lê Thị Hồng Th mở tại Ngân hàng TNHH MTV Sh Việt Nam (ShinhanBank) theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

Tuy nhiên sau khi được giải ngân, bà Lê Thị Hồng Th chỉ thanh toán cho Công ty M được hai kỳ với số tiền 2.565.000 đồng, trong đó số tiền gốc đã thanh toán là 1.007.551 đồng, số tiền lãi đã thanh toán là 1.545.449 đồng và số tiền phí đã thanh toán là 12.000 đồng. Từ ngày 17/02/2023 cho đến nay bà Lê Thị Hồng Th không thanh toán Công ty M theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, mặc dù Công ty Tài chính M đã tiến hành liên hệ qua điện thoại, cũng như đã gửi thư thông báo và yêu cầu bà Thuỷ thực hiện nghĩa vụ thanh toán, nhưng đến nay bà Thuỷ vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

Vì vậy, Công ty M yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn thanh toán ngay một lần cho nguyên đơn ngay sau khi bản án có hiệu lực số tiền tạm tính đến ngày 11/7/2024 là 43.334.218 đồng (*Bốn mươi ba triệu, ba trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm mười tám đồng*), cụ thể: Nợ gốc là 23.992.449 đồng *(Hai mươi ba triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, bốn trăm bốn mươi chín đồng*); Nợ lãi là: 19.341.769 đồng *(Mười chín triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn, bảy trăm sáu mươi chín đồng*), trong đó lãi trong hạn là: 13.762.349 đồng (*Mười ba triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi chín đồng*), lãi quá hạn là 4.452.219 đồng *(Bốn triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, hai trăm mười chín đồng*), lãi chậm trả là: 1.127.201 đồng *(Một triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm lẻ một đồng*) và yêu cầu bị đơn phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 12/07/2024 cho đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3803106 ngày 19/10/2022 và Bản điều khoản và điều kiện cho vay của Công ty Tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam).

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Lê Thị Hồng Th vắng mặt lần thứ hai mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận x, Thành phố H phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên phần yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*

[1.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng nên có cơ sở xác định tranh chấp giữa hai bên là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường M, Quận X ngày 27/12/2023 thì bà Th hiện đang cư ngụ tại 96/22 TĐ, Phường M, Quận X. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn bà Lâm Thị Thùy D có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Lê Thị Hồng Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh:* Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản hồi và không phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì, vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng, phải chịu hậu quả của việc không

chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vụ việc trên theo những chứng cứ có trong hồ sơ.

[3] *Xét, yêu cầu khởi kiện của đương sự:*

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần cho nguyên đơn ngay sau khi bản án có hiệu lực số tiền tạm tính đến ngày 12/7/2024 là **43.334.218 đồng** (*Bốn mươi ba triệu, ba trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm mười tám đồng*), cụ thể: Nợ gốc là 23.992.449 đồng *(Hai mươi ba triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, bốn trăm bốn mươi chín đồng*); Nợ lãi là: 19.341.769 đồng *(Mười chín triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn, bảy trăm sáu mươi chín đồng*), trong đó lãi trong hạn là: 13.762.349 đồng (*mười ba triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi chín đồng*), lãi quá hạn là 4.452.219 đồng *(Bốn triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, hai trăm mười chín đồng*), lãi chậm trả là: 1.127.201 đồng *(Một triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm lẻ một đồng*) và yêu cầu bị đơn phải trả lãi phát sinh kể từ ngày 12/07/2024 cho đến khi bị đơn thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3803106 ngày 19/10/2022 và Bản điều khoản và điều kiện cho vay của Công ty Tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam), Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3803106 ký kết ngày 19/10/2022 giữa nguyên đơn và bị đơn, chứng từ giải ngân, tóm tắt sao kê và các chứng cứ khác trong hồ sơ có cơ sở xác định bị đơn đã vay của nguyên đơn số tiền 25.000.000 đồng. Bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền 43.334.218 đồng (gồm cả gốc và lãi), thời hạn vay: 36 tháng (*tính từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 10/10/2025*), Lãi suất: từ kỳ thanh toán thứ nhất đến kỳ thanh toán thứ 30 là 3,67%/ tháng (tương ứng 44%/năm), từ kỳ thanh toán thứ 31 đến kỳ thanh toán thứ 36 lãi suất là 0%/tháng, mục đích vay: Mua hàng; ngày thanh toán: ngày 10 (dương lịch) hàng tháng, ngày thanh toán đầu tiên: 10/11/2022, số tiền trả hàng tháng: từ kỳ ngày 10/11/2022 đến 10/03/2025 mỗi tháng trả 1.262.352 đồng, từ kỳ ngày ngày 10/04/2025 đến 10/10/2025 mỗi tháng trả theo bảng thanh toán trong bản tự khai của Công ty Tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam) do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lâm Thị Thùy D đã cung cấp.

Quá trình thực hiện bị đơn đã vi phạm nội dung thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3803106 ngày 19/10/2022 và Bản điều khoản và điều kiện cho vay mà bị đơn đã ký. Khoản tín dụng của bị đơn đã bị quá hạn thanh toán kể từ ngày 10/01/2023.

[3.2] Theo thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3803106 ngày 19/10/2022 và Bản điều khoản và điều kiện cho vay của Công ty Tài

chính TNHH một thành viên M (Việt Nam) thì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thì "bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Căn cứ Điều 11 Bản điều khoản và điều kiện cho vay của Công ty Tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam) thì nguyên đơn có quyền đơn phương chấm dứt cho vay, thu hồi toàn bộ khoản nợ trước hạn trong trường hợp bị đơn vi phạm Hợp đồng tín dụng và Bản điều khoản và điều kiện cho vay.

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần cho nguyên đơn ngay sau khi bản án có hiệu lực số tiền tạm tính đến ngày 11/7/2024 là **43.334.218 đồng** (*Bốn mươi ba triệu, ba trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm mười tám đồng*), cụ thể: Nợ gốc là 23.992.449 đồng *(Hai mươi ba triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, bốn trăm bốn mươi chín đồng*); Nợ lãi là: 19.341.769 đồng *(Mười chín triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn, bảy trăm sáu mươi chín đồng*), trong đó lãi trong hạn là: 13.762.349 đồng (*mười ba triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi chín đồng*), lãi quá hạn là 4.452.219 đồng *(bốn triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, hai trăm mười chín đồng*), lãi chậm trả là: 1.127.201 đồng *(Một triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm lẻ một đồng*) là phù hợp với các điều khoản trong theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3803106 ngày 19/10/2022 đã ký kết, phù hợp Bản điều khoản và điều kiện cho vay của Công ty Tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam) đính kèm theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3803106 ngày 19/10/2022 và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên có cơ sở và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ 12/7/2024 bị đơn vẫn phải trả lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

[3.3] Về thời hạn trả nợ: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là 2.166.711 đồng (*Hai triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, bảy trăm mười một đồng*).

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 68; khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 280, 351, 357, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 90, 91, 95 và Điều 108 Luật các tổ chức tín dụng

Căn cứ các điều 7, 8 và 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. **Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam):**

1.1. Buộc bà Lê Thị Hồng Th phải thanh toán cho Công ty Tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam) tổng số tiền tính đến ngày 11/07/2024 là **43.334.218 đồng** (*Bốn mươi ba triệu, ba trăm ba mươi bốn nghìn, hai trăm mười tám đồng)* cụ thể: Nợ gốc là 23.992.449 đồng *(Hai mươi ba triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, bốn trăm bốn mươi chín đồng*); Nợ lãi là: 19.341.769 đồng *(Mười chín triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn, bảy trăm sáu mươi chín đồng*), trong đó lãi trong hạn là: 13.762.349 đồng (*mười ba triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi chín đồng*), lãi quá hạn là 4.452.219 đồng *(bốn triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, hai trăm mười chín đồng*), lãi chậm trả là: 1.127.201 đồng *(Một triệu, một trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm lẻ một đồng*) trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực thi hành.

1.2. Kể từ ngày 12/7/2024, bà Lê Thị Hồng Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3803106 ngày 19/10/2022 và Bản điều khoản và điều kiện cho vay của Công ty Tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam) cho đến khi thi hành án xong.

Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Hồng Th phải chịu 2.166.711 đồng (*Hai triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn, bảy trăm mười một đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Công ty Tài chính TNHH một thành viên M (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 789.000 đồng (*Bảy trăm tám mươi chín nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0042742 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố H.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. H;
- VKS. TP.H;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận X;
- Chi cục Thi hành án Quận X;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Xuân Quỳnh